

Số: 130/NQ-HĐND

TP. Quảng Ngãi, ngày 30 tháng 7 năm 2021

NGHỊ QUYẾT

Về việc điều chỉnh dự toán ngân sách địa phương năm 2021.

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN THÀNH PHỐ QUẢNG NGÃI
KHOẢ XII KỲ HỌP THỨ HAI**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 107/NQ-HĐND ngày 25/12/2020 của Hội đồng nhân dân thành phố Quảng Ngãi về dự toán và phân bổ ngân sách địa phương năm 2021;

Xét Tờ trình số 102/TTr-UBND ngày 16/7/2021 của Ủy ban nhân dân thành phố Quảng Ngãi về việc đề nghị ban hành Nghị quyết điều chỉnh dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn và dự toán chi ngân sách địa phương năm 2021; Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Xã hội Hội đồng nhân dân thành phố; Ý kiến của đại biểu Hội đồng nhân dân thành phố tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thống nhất điều chỉnh dự toán ngân sách địa phương năm 2021 được phân bổ tại Nghị quyết 107/NQ-HĐND ngày 25/12/2020 của Hội đồng nhân dân thành phố Quảng Ngãi, cụ thể:

1. Điều chỉnh dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn.

- | | |
|------------------------------------|-------------------|
| - Tổng thu ngân sách được phân bổ: | 4.037,143 tỷ đồng |
| - Điều chỉnh giảm thu ngân sách | 107,5 tỷ đồng |

(từ nguồn thu tiền sử dụng đất)

- | | |
|-----------------------------------------|--------------------------|
| - Tổng thu ngân sách sau khi điều chỉnh | 3.929,643 tỷ đồng |
|-----------------------------------------|--------------------------|

(Chi tiết cụ thể theo Biểu đính kèm)

2. Điều chỉnh dự toán chi ngân sách địa phương:

- | | |
|------------------------------------|-------------------------|
| - Tổng chi ngân sách được phân bổ: | 1.299,817 tỷ đồng, gồm: |
|------------------------------------|-------------------------|

+ Chi thường xuyên	899,669 tỷ đồng
+ Chi đầu tư phát triển:	376,848 tỷ đồng
- Điều chỉnh giảm chi ngân sách:	126,854 tỷ đồng, gồm:
+ Giảm chi thường xuyên	7,1 tỷ đồng
+ Giảm chi đầu tư phát triển	119,754 tỷ đồng
- Tổng chi ngân sách sau khi điều chỉnh:	1.172,963 tỷ đồng, trong đó:
+ Chi thường xuyên	892,569 tỷ đồng
+ Chi đầu tư phát triển	257,094 tỷ đồng

(Nội dung theo Tờ trình số 102/TTr-UBND ngày 16/7/2021 của Ủy ban nhân dân thành phố Quảng Ngãi)

Điều 2. Tổ chức thực hiện:

1. Ủy ban nhân dân thành phố tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết.
2. Thường trực Hội đồng nhân dân thành phố, các Ban của Hội đồng nhân dân thành phố, đại biểu Hội đồng nhân dân thành phố giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Điều 3. Hiệu lực thi hành

Nghị quyết này được Hội đồng nhân dân thành phố khóa XII, kỳ họp thứ hai thông qua ngày 30 tháng 7 năm 2021 và có hiệu lực kể từ ngày thông qua./

Nơi nhận:

- TT HĐND, UBND tỉnh;
- TTTU, TT HĐND thành phố;
- UBND, UBMTTQVN thành phố;
- Tổ đại biểu HĐND tỉnh, đơn vị thành phố;
- Đại biểu HĐND thành phố;
- Các cơ quan chuyên trách TMGV Thành ủy;
- Các phòng, ban, hội đoàn thể thành phố;
- TT HĐND, UBND 23 xã, phường;
- VPTP; C-PVP;
- Lưu VT. B.KT-XH

CHỦ TỊCH



Trần Phước Hải

ĐIỀU CHỈNH DỰ TOÁN THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC TRÊN ĐỊA BÀN NĂM 2021
(Kèm theo Nghị quyết số 21/NQ-HĐND ngày 30/7/2021 của HĐND thành phố Quảng Ngãi)



ĐVT: Triệu đồng.

TT	NỘI DUNG	Dự toán UBND tỉnh giao	Dự toán HĐND thành phố giao	Dự toán điều chỉnh	Chênh lệch
1	2	3	4	5	6
	TỔNG THU NSNN TRÊN ĐỊA BÀN	3.909.620	4.037.143	3.929.643	-107.500
A	Tổng thu cân đối qua NSNN	3.909.620	4.037.143	3.929.643	-107.500
I	Tỉnh Thu (Từ quỹ đất ĐT XD CSHT)	1.163.000	1.173.500	1.163.000	-10.500
-	Thu từ các dự án do tỉnh đầu tư	986.000	986.000	986.000	
-	Thu từ các dự án do nhà đầu tư thực hiện	177.000	187.500	177.000	-10.500
II	Thu NS địa phương	2.746.620	2.863.643	2.766.643	-97.000
1	Thuế ngoài quốc doanh	2.271.200	2.271.200	2.271.200	
	+ Thuế giá trị gia tăng (VAT)	621.700	621.700	621.700	
	+ Thuế thu nhập doanh nghiệp	216.500	216.500	216.500	
	+ Thuế tiêu thụ đặc biệt	1.395.900	1.395.900	1.395.900	
	+ Thuế tài nguyên	37.100	37.100	37.100	
2	Thu quốc doanh địa phương	5.500	5.500	5.500	
3	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp và nợ thuế nhà đất	4.100	4.100	4.100	
4	Thuế thu nhập cá nhân	50.000	50.000	50.000	
6	Thu tiền thuê mặt đất, mặt nước	28.920	28.920	28.920	
7	Thu tiền sử dụng đất	253.000	350.000	253.000	-97.000
-	Thu cấp quyền sử dụng đất	60.000	85.000	60.000	-25.000
-	Thu từ quỹ đất thành phố đầu tư	75.000	140.000	75.000	-65.000
-	Thu từ dự án do NĐT thực hiện	118.000	125.000	118.000	-7.000
8	Phí và lệ phí (có xã, phường)	18.400	18.400	18.400	
9	Lệ phí trước bạ	94.000	105.000	105.000	
10	Thu khác NS T.Phố	16.000	22.000	22.000	
-	Thu điều tiết về NS TW; Tỉnh				
-	Thu điều tiết NS thành phố		22.000	22.000	
11	Thu tại xã, phường	3.500	6.523	6.523	
12	Thu cấp quyền khai thác khoáng sản	2.000	2.000	2.000	
B	Thu để lại chi theo quy định:				